



	- ngr ng d i 2m	5	II	1.3	187
III	Ph ng Ha Phát				
1	Lê Tr ng T n				
	- o nt Tr ng Chinh n ng ba ng Tôn n ( i An Ha, Trung Ngh a)	1	I	1.2	1,200
	- o n cn l i	1	I	0.9	900
2	Tr ng Chinh ( o nt a ph n ph ng Hoà An n giáp a ph n ph ng Hoà Th Tây)				
	- o nt giáp ph ng Hoà An n ng t Lê Tr ng T n	2	I	1.2	624
	- o nt ng t Lê Tr ng T n n giáp Ha Th Tây	2	I	1	520
3	ng t Lê Tr ng T n n ng i kho bom	2	II	1.2	470
4	ng t Tr ng Chinh n kho Bom (Ngh i An)	2	I	1	520
5	Các khu dân c khu v c ông Ph c c (phía ông ng Tr ng Chinh)				
	- ngr ng t 5m tr lên	2	I	1.1	572
	- ngr ng t 3,5m n d i 5m	3	I	1.1	440
	- ngr ng t 2m n d i 3,5m	4	I	1.2	355
	- ngr ng d i 2m	5	I	1.2	240
6	Các khu v c cn l i				
	a) Phía B c ng Lê Tr ng T n				
	- ngr ng t 5m tr lên	2	I	1.1	572
	- ngr ng t 3,5m n d i 5m	3	I	1.1	440
	- ngr ng t 2m n d i 3,5m	4	I	1.2	355
	- ngr ng d i 2m	5	I	1.2	240
	b) Phía Nam ng Lê Tr ng T n				
	- ngr ng t 5m tr lên	2	II	1.1	431
	- ngr ng t 3,5m n d i 5m	3	II	1.2	365
	- ngr ng t 2m n d i 3,5m	4	II	1.2	269
	- ngr ng d i 2m	5	II	1.3	187
IV	Ph ng Ha An				
1	Nguy n Công Hoan ( o n cn l i)	2	I	1	520
2	Tr ng Chinh ( o nt Ng ba Hu n giáp a ph n ph ng Hoà Phát - phía ng s t)	2	I	1.2	624
3	Các ng trong khu dân c				
	- ngr ng t 5m tr lên	2	I	1.1	572
	- ngr ng t 3,5m n d i 5m	3	I	1.2	480
	- ngr ng t 2m n d i 3,5m	4	I	1.3	385
	- ngr ng d i 2m	5	I	1.2	240
V	Ph ng Ha Xuân				
1	ng t UBND ph ng i KDC Nam c u C m L	3	I	1.2	480
2	ng t UBND ph ng i Mi u Bông	3	I	1.1	440
3	Các ng trong khu dân c				
	- ngr ng t 5m tr lên	2	III	1.3	343
	- ngr ng t 3,5m n d i 5m	3	III	1.3	260
	- ngr ng t 2m n d i 3,5m	4	III	1.3	177
	- ngr ng d i 2m	5	III	1.3	114